

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/DSST
Ngày: 16-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Bài;

Ông Lê Thanh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

- Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần: Ông Đặng Văn Thi-Thư ký.

- Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã Hiếu Tử: Ông Nguyễn Phước Thành-Thư ký.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/TLST-DS ngày 20-10-2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXXST-DS, ngày 28-6-2024; giữa:

Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp O T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có mặt);

Bị đơn: Chị Thạch Thị Linh Đ, sinh năm 1997 và anh Sơn Thanh G, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp O T, xã H T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 12/2/2020, chị Thạch Thị Linh Đ và anh Sơn Thanh G (G K) có tổ chức khai rất nhiều dây hui, bà có tham gia dây số 18, 19, 21, 22, 23, 24, 27, mỗi dây tham gia 01 phần danh sách tên (M-D); hình thức tham gia góp hui được thỏa thuận như sau: Loại hui 3.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hui có giao danh sách hui viên cho bà, mỗi dây có 16 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, nửa tháng khai 01 lần,

sau khi khai hội chủ hội có trách nhiệm gom tiền của hội viên rồi giao cho người trúng thăm hốt hội. Tất cả các dây hội trên chủ hội đã đã tổ chức khai đến lần thứ 08, ở lần khai thứ 09 chủ hội úp hội đồng loạt, cụ thể;

Dây 18:

Lần 1: Thạch Thị M (10 T) kêu 1.000.000đ, bà đóng hội sống là 2.000.000 đồng;

Lần 2: Thạch Thị P (P S R) kêu 1.870.000đ, bà đóng hội sống là 1.130.000 đồng;

Lần 3: Thạch Thị M (U M) kêu 2.130.000đ, bà đóng hội sống là 870.000đ;

Lần 4: Thạch Thị M (10 T) kêu 2.410.000đ, bà đóng hội sống là 580.000đ;

Lần 5: Thạch Thị Kim L (P M) kêu 2.300.000đ, bà đóng hội sống là 700.000đ;

Lần 6: Thạch Thị S (M T) kêu 2.320.000đ, bà đóng hội sống là 680.000đ;

Lần 7: Huỳnh Thị Sa M (T M) kêu 2.250.000đ, bà đóng hội sống là 750.000đ;

Lần 8: Thạch Thị H (H S) kêu 1.300.000đ, bà đóng hội sống là 1.7000.000đ;

Lần 9: chủ hội úp hội, bà đóng 08 lần hội sống bằng **8.410.000 đồng**;

Dây 19:

Lần 1: Thạch Thị T (T V) kêu 1.000.000đ, bà đóng hội sống là 2.000.000 đồng;

Lần 2: Huỳnh Thị Sa M (T M) kêu 2.200.000đ, bà đóng hội sống là 800.000đ;

Lần 3: Thạch Thị H (H S) kêu 1.900.000đ, bà đóng hội sống là 1.100.000đ;

Lần 4: Thạch Thị M (U M) kêu 2.110.000đ, bà đóng hội sống là 890.000đ;

Lần 5: Thạch Thị S (K K) kêu 2.300.000đ, bà đóng hội sống là 700.000đ;

Lần 6: Thạch Thị P (T N) kêu 2.320.000đ, bà đóng hội sống là 680.000đ;

Lần 7: Thạch Thị P (P S R) kêu 2.280.000đ, bà đóng hội sống là 720.000đ;

Lần 8: Thạch Thị Hoanh N (T N) kêu 2.300.000đ, bà đóng hội sống là 700.000đ;

Lần 9: chủ hội úp hội, bà đóng 08 lần hội sống bằng **7.590.000 đồng**;

Dây 21:

Lần 1: Thạch Thị Ánh N (N P) kêu 1.000.000đ, bà đóng hội sống là 2.000.000đ;

Lần 2: Thạch Thị Hoanh N (T N) kêu 2.100.000đ, bà đóng hội sống là 900.000đ;

Lần 3: Thạch Thị M (U M) kêu 2.110.000đ, bà đóng hội sống là 890.000đ;

Lần 4: Thạch Thị P (T N) kêu 2.320.000đ, bà đóng hội sống là 680.000đ;

Lần 5: Huỳnh Thị Sa M (T M) kêu 2.260.000đ, bà đóng hội sống là 740.000đ;

Lần 6: Thạch Thị H (H S) kê 2.320.000đ, bà đóng hội sống là 680.000đ;
Lần 7: Thạch Thị P (P S R) kê 2.290.000đ, bà đóng hội sống là 710.000đ;
Lần 8: Thạch Thị S (M T) kê 2.310.000đ, bà đóng hội sống là 690.000đ;
Lần 9: chủ hội úp hội, bà đóng 08 lần hội sống bằng **7.610.000 đồng**;

Dây 22:

Lần 1: Thạch Thị Linh Đ (K G) kê 1.000.000đ, bà đóng hội sống là 2.000.000đ;

Lần 2: Thạch Thị Hoanh N (T N) kê 1.870.000đ, bà đóng hội sống là 1.130.000đ;

Lần 3: Thạch Thị Kim L (P M) kê 2.110.000đ, bà đóng hội sống là 890.000đ;

Lần 4: Thạch Thị Su (M T) kê 2.120.000đ, bà đóng hội sống là 880.000đ;

Lần 5: Thạch Thị M (U M) kê 2.260.000đ, bà đóng hội sống là 740.000đ;

Lần 6: Thạch Thị P (P S R) kê 2.310.000đ, bà đóng hội sống là 690.000đ;

Lần 7: Thạch Sê R (S L) kê 2.290.000đ, bà đóng hội sống là 710.000đ;

Lần 8: Thạch Thị Linh Đ (K G) kê 1.300.000đ, bà đóng hội sống là 1.700.000đ;

Lần 9: chủ hội úp hội, bà đóng 08 lần hội sống bằng **8.740.000 đồng**;

Dây 23:

Lần 1: Thạch Thị Linh Đ (K G) kê 1.000.000đ, bà đóng hội sống là 2.000.000đ;

Lần 3: Thạch Thị Kim L (P M) kê 1.870.000đ, bà đóng hội sống là 1.130.000đ;

Lần 3: Thạch Thị P (P S R) kê 2.100.000đ, bà đóng hội sống là 900.000đ;

Lần 4: Thạch Thị S (K K) kê 2.120.000đ, bà đóng hội sống là 880.000đ;

Lần 5: Thạch Thị Kim L (P M) kê 2.290.000đ, bà đóng hội sống là 710.000đ;

Lần 6: Thạch Thị S (M T) kê 2.310.000đ, bà đóng hội sống là 690.000đ;

Lần 7: Thạch Thị M (U M), kê 2.250.000đ, bà đóng hội sống là 750.000đ;

Lần 8: Thạch Thị P (T N), kê 1.300.000đ, bà đóng hội sống là 1.700.000đ;

Lần 9: chủ hội úp hội, bà đóng 08 lần hội sống bằng **8.760.000 đồng**;

Dây 24:

Lần 1: Huỳnh Thị Sa M (T M), kê 1.000.000đ, bà đóng hội sống là 2.000.000đ;

Lần 2: Huỳnh Thị Sa M (T M), kê 1.870.000đ, bà đóng hội sống là 1.130.000đ;

Lần 3: Thạch Thị P (P S R) kê 2.100.000đ, bà đóng hội sống là 900.000đ;

Lần 4: Thạch Thị Hoanh N (T N) kê 2.120.000đ, bà đóng hội sống là 880.000đ;

Lần 5: Thạch Thị Kim L (P M), kê 2.280.000đ, bà đóng hui sống là 720.000đ;

Lần 6: Thạch Thị M (U M), kê 2.300.000đ, bà đóng hui sống là 700.000đ;

Lần 7: Thạch Thị H (H S), kê 2.270.000đ, bà đóng hui sống là 730.000đ;

Lần 8: Thạch Thị Kim L (P M), kê 1.300.000đ, bà đóng hui sống là 1.700.000đ;

Lần 9: chủ hui úp hui, bà đóng 08 lần hui sống bằng **8.760.000 đồng**;

Dây 27:

Lần 1: Thạch Thị Kim L (P M), kê 1.000.000đ, bà đóng hui sống là 2.000.000đ;

Lần 2: Thạch Thị P (T N), kê 1.880.000đ, bà đóng hui sống là 1.120.000đ;

Lần 3: Thạch Thị M (U M) kê 2.100.000đ, bà đóng hui sống là 900.000đ;

Lần 4: Thạch Thị S (M T), kê 2.000.000đ, bà đóng hui sống là 1.000.000đ;

Lần 5: Thạch Thị S (K K), kê 2.120.000đ, bà đóng hui sống là 880.000đ;

Lần 6: Thạch Thị Hoanh N (T N), kê 2.290.000đ, bà đóng hui sống là 710.000đ;

Lần 7: Thạch Thị P (P S R) kê 2.280.000đ, bà đóng hui sống là 720.000đ;

Lần 8: Thạch Thị T (Dì 3 T V) kê 1.300.000đ, bà đóng hui sống là 1.700.000đ;

Lần 9: chủ hui úp hui, bà đóng 08 lần hui sống bằng **9.030.000 đồng**;

Bà Trần Thị H yêu cầu chị Thạch Thị Linh Đ và anh Sơn Thanh G trả lại 08 lần tiền hui sống đã đóng bằng 58.900.000 đồng (Loại hui 3.000.000 đồng, mở ngày 12/02/2020, dây hui số 18, 19, 21, 22, 23, 24, 27), không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị Thạch Thị Linh Đ và anh Sơn Thanh G không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án có lập biên bản về việc không tiến hành lấy lời khai đối với chị Linh Đ và anh G ở các dây hui trên, nên không xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 06 danh sách hui viên loại hui 3.000.000 đồng mở ngày 12/02/2020 chủ hui (G K, photo); 01 chứng minh nhân dân tên Trần Thị H (photo); Bị đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải

quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

2. Buộc chị Thạch Thị Linh Đ và anh Sơn Thanh G cùng có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H 08 lần tiền hội sống đã đóng bằng 58.900.000 đồng (Loại hội 3.000.000 đồng, mở ngày 12/02/2020, dây hội số 18, 19, 21, 22, 23, 24, 27). Bà H không yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố;

Chị Thạch Thị Linh Đ và anh Sơn Thanh G vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Buộc chị Thạch Thị Linh Đ và anh Sơn Thanh G cùng có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H 08 lần tiền hội sống đã đóng bằng 58.900.000 đồng (Loại hội 3.000.000 đồng, mở ngày 12/02/2020, dây hội số 18, 19, 21, 22, 23, 24, 27). Bà H không yêu cầu tính lãi.

[3] Đối với chị Thạch Thị Linh Đ và anh Sơn Thanh G mặc dù không đến Tòa án để giải quyết với bà H, nhưng Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà bà H nộp khởi kiện để chị Linh Đ và anh G có ý kiến trình bày phản bác về nội dung bà H khởi kiện. Quá trình giải quyết Tòa án có xác minh hội viên tham gia góp hội ở các dây hội trên có ý kiến: Vào ngày 12/02/2020, chị Linh Đ và anh G (tên G K) có tổ chức khai dây hội số: 18, 19, 21, 22, 23, 24, 27, loại hội 3.000.000 đồng, hội đã khai đến lần thứ 08 thì úp hội, chủ hội không duy trì các dây hội trên cho đến mãn hội, ở các dây hội trên có hội viên bà Trần Thị H (M D) cùng tham gia. Qua làm việc chị Thạch Thị Linh Đ và anh Sơn Thanh G không có ý kiến phản bác về nội dung bà H khởi kiện, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do bà H không có yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bị đơn chị Thạch Thị Linh Đ và anh Sơn Thanh G phải chịu theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn bà Trần Thị H không phải chịu án phí.

[5] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ biểu phùng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

2. Buộc chị Thạch Thị Linh Đ và anh Sơn Thanh G cùng có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H 08 lần tiền hội sống đã đóng bằng 58.900.000 đồng (Loại hội 3.000.000 đồng, mở ngày 12/02/2020, đây hội số 18, 19, 21, 22, 23, 24, 27). Bà H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. **Về án phí:** Buộc bị đơn chị Thạch Thị Linh Đ và anh Sơn Thanh G phải chịu 2.945.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí; Hoàn trả số tiền 1.472.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0017091 ngày 18-10-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho bà Trần Thị H.

4. **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Thị Mỹ Châm